

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/KDTM-PT
Ngày 15 tháng 7 năm 2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Nguyễn Văn Tũu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 44/2019/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án sơ thẩm số 1402/2019/KDTM-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 372/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ: đường C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Kiều Vũ Thụy U (Giấy ủy quyền ngày 12/6/2017) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần V;

Địa chỉ: đường T, Phường E, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Thu V1 (Giấy ủy quyền ngày 18/2/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần V: Luật sư Nguyễn Văn Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng P

Địa chỉ: phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Lê Trọng H (Giấy ủy quyền ngày 22/11/2018) (có mặt).

-Người kháng cáo:Công ty Cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do bà Kiều Vũ Thụy U là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần V, chi tiết như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN ngày 02/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL01 ngày 02/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL02 ngày 12/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL03; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01261206/01 TDDN/SĐBS – 05; Khế ước nhận nợ số 01 (số tài khoản 30232789) ngày 20/09/2007; Khế ước nhận nợ số 02 (số tài khoản 30232789) ngày 05/12/2007 thì:

Tổng mức cấp tín dụng: 3.000.000 USD (*Bằng chữ: Ba triệu Đô la Mỹ chẵn*)

Số tiền thực tế giải ngân: 3.000.000 USD (*Bằng chữ: Ba triệu Đô la Mỹ chẵn*)

Thời hạn vay: 60 tháng (*từ ngày 20/09/2007 đến ngày 20/9/2012*)

Giải ngân:

– Lần 1: Số tiền 2.500.000 USD ngày 20/09/2007, KUNN số 01 ngày 20/09/2007, giải ngân vào tài khoản số 23423839 tại A.

– Lần 2: Số tiền 500.000 USD ngày 05/12/2007, KUNN số 02 ngày 05/12/2007, giải ngân vào tài khoản số 23423839 tại A.

Phương thức vay: cho vay theo hạn mức tín dụng.

Mục đích: Đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô trọng tải 22.500 DWT, chiếc số 03/KH-2004.

Lãi suất vay được quy định như sau:

– Lãi suất trong hạn: Lãi suất SIBOR USD 3 tháng cộng (+) 2%/năm.

– Kể từ ngày 18/04/2012 đến ngày 31/12/2013:

+ 3 tháng đầu: 6.9%/năm

+ Từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất được áp dụng theo công thức: Lãi suất vay (%)/năm = LS 13 + 5%/năm + X

- Kể từ ngày 01/01/2014:
- + Lãi suất vay (%) / năm = Lãi suất SIBOR USD 3 tháng + 2% / năm
- + Lãi suất thay đổi 3 tháng / lần theo công thức: Lãi suất vay (%) / năm = LS 13 + 5% / năm + X
- Từ ngày 28/05/2013 trở đi, lãi suất thay đổi 3 tháng / lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = LS13 + 5% / năm + X
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 10/08/2016, A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 10/9/2016 A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Biện pháp đảm bảo: Thẻ chấp Tàu chở hàng khô D thuộc sở hữu hợp pháp của V, chi tiết như sau:

- Hồ hiệu/số IMO: 3WSU-9335460
- Loại tàu: Hàng rời
- Nơi đóng tàu: Bạch Đằng -VN
- Năm đóng tàu: 2007.
- Chiều rộng: 26.0 m.
- Chiều dài lớn nhất: 153.2 m.
- Chiều cao mạn: 13.75 m.
- Mớn nước: 9.5 m.
- Dung tích thực: 7.158 NT.
- Tổng dung tích: 14.851 GT.
- Trọng tải toàn phần: 22.502 DWT.
- Công suất máy chính: 01X6.230.KW.
- Tổ chức đăng kiểm: VR&NK.
- Cảng đăng ký: Sài Gòn.
- Số đăng ký: VNSG-1839-TH.
- Ngày đăng ký: 30/01/2008
- Tên tàu: D

Theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 01060907/01TDDN-TC ngày 05/09/2007 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTCTS.DRAGON-NHPT-V ngày 30/01/2010 được Công chứng tại Phòng Công chứng số 2, số công chứng 514/TC-ĐNV, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/02/2010. Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp này bao gồm các nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bên được cấp tín dụng với A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả và các khoản khác theo các HĐTD/HĐCTD). Tổng giá trị bảo đảm của tài sản này là 3.000.000 USD (Ba triệu Đô la Mỹ) tương đương 47.490.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi

triệu đồng) và 202.147.000.000 VND (Hai trăm lẻ hai tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) trong đó A: 3.000.000 USD.

Tàu D cũng được thế chấp cho Ngân hàng P – Chi nhánh Hải Phòng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng P – Chi nhánh Hải Phòng. Việc thế chấp và xử lý Tàu D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A và Ngân hàng P – Chi nhánh Hải Phòng thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTCTS.DRAGON-NHPT-V ngày 30/01/2010 được Công chứng tại Phòng Công chứng số 2, số công chứng 514/TC-ĐNV, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/02/2010 và Thỏa Thuận số 01/A-NHPT HP.07 ngày 23/08/2007, Biên bản thỏa thuận bổ sung số 01/2010/A-NHPT-V.DRAGON ngày 25/01/2010.

Tại thời điểm A khởi kiện theo Đơn khởi kiện ngày 03/07/2017, số liệu nợ của V như sau:

Tính đến ngày 31/05/2017, V còn nợ A các khoản sau:

Vốn gốc	:	413,568.00USD
Lãi trong hạn	:	105,515.69 USD
Lãi quá hạn	:	123.75 USD
Tổng cộng	:	519,207.44 USD (<i>Bằng chữ: Năm trăm mười chín ngàn hai trăm lẻ bảy đô la Mỹ và bốn cent bốn</i>).

Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 01/06/2017 theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến kho khoản nợ thực tất toán.

Tỷ giá USD quy đổi ra VNĐ tính tại thời điểm 31/05/2017 là 1 USD = 22.320 đồng. Như vậy, với 519,207.44 USD x 22.320 = 11.588.710.060 đồng. Tỷ giá USD sẽ được xác định chính xác theo tỷ giá bán mà A công bố tại thời điểm V thực thanh toán hết nợ cho A. Sau khi quy đổi ra VNĐ, tổng số nợ (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) của V là 11.588.710.060 đồng (mười một tỷ năm trăm tám mươi tám triệu bảy trăm mười ngàn không trăm sáu mươi đồng).

Từ ngày 18/12/2018 đến ngày 07/07/2019, V trả nợ cho A số tiền 35.000 USD (Ba mươi lăm ngàn Đô la Mỹ). A thực hiện thu vào nợ gốc.

Tính đến ngày 20/9/2019, V còn nợ A các khoản sau:

Vốn gốc	:	363.568 USD
Lãi trong hạn	:	157.693 USD
Lãi quá hạn	:	3.211,70 USD
Tổng cộng	:	524.482,70 USD

Số tiền 524.482,70 USD tương đương với 12.194.222.775 (mười hai tỷ một trăm chín mươi tư triệu hai trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng, (1USD=23.250đồng) tỷ giá USD được quy đổi ra tiền VND tại thời điểm ngày 20/9/2019)

Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 21/9/2019 theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến kho khoản nợ thực tất toán.

A đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, đưa ra xét xử sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật và buộc:

1. V trả cho A tổng nợ (gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 20/9/2019 là: 524.482,70 USD (tương đương 12.194.222.775 đồng (mười hai tỷ một trăm chín mươi tư triệu hai trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 363.568 USD, nợ lãi trong hạn là 157.693 USD, nợ lãi quá hạn 3.211,70 USD và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/9/2019 đến ngày V thực trả hết toàn bộ nợ.

V trả nợ cho A bằng Đôla Mỹ. Trường hợp, V trả nợ cho A bằng Việt Nam Đồng thì tỷ giá ngoại tệ để quy đổi là tỷ giá bán Đô la Mỹ của A tại thời điểm V trả nợ.

Thời điểm V thực hiện: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Nếu V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như nêu trên thì A được toàn quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bao gồm cả cơ quan thi hành án có thẩm quyền) phát mãi Tàu D (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTCTS.DRAGON-NHPT-V ngày 30/01/2010, số công chứng 514/TC-ĐNV, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/02/2010 và Thỏa thuận số 01/A-NHPTHP.07 ngày 23/08/2007, Biên bản thỏa thuận bổ sung số 01/2010/A-NHPT-VITRANSCART.DRAGON ngày 25/01/2010) để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên.

3. Khi Tàu D bị xử lý để thu hồi nợ cho A, Ngân hàng P thì việc phân chia số tiền thu được giữa A và Ngân hàng P để thu nợ thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTCTS.DRAGON-NHPT-V ngày 30/01/2010, số công chứng 514/TC-ĐNV, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/02/2010 và Thỏa thuận số 01/A-NHPTHP.07 ngày 23/08/2007, Biên bản thỏa thuận bổ sung số 01/2010/A-NHPT-VITRANSCART.DRAGON ngày 25/01/2010 giữa A, V, Ngân hàng P.

4. Đối với yêu cầu Ngân hàng P đề nghị đưa V1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quan điểm của nguyên đơn là V1 không liên quan trong vụ kiện giữa A và V, đề nghị không đưa V1 vào vụ án để tránh kéo dài thời gian giải quyết.

Bị đơn – Công ty Cổ phần Vdo bà Mai Thị Thu V1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

V gặp khó khăn tài chính do khủng hoảng kinh tế kéo dài hơn 10 năm. Mặc dù rất cố gắng nhưng chúng tôi không thể giải quyết dứt điểm khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với A. V mong muốn A có ý kiến chấp thuận đối với phương án trả nợ đã nêu tại công văn số 272/TCKT ngày 31/5/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng P (gọi tắt là P) do ông Trương Lê Trọng Hlà người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào các hồ sơ, chứng cứ như:

Hợp đồng vay vốn TDĐTPT số 05/05/HĐTD-TDTW ngày 28/7/2005, Phụ lục số 05A/PLHĐ-TDTW ngày 22/3/2006, Phụ lục số 05/05/PLHĐTD ngày 20/10/2006, Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 12/2009/05/05/HĐTDSĐ-NHPT.HPH ngày 15/12/2009, Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 06/12.2009/HĐTDSĐ-NHPT.HPH-V ngày 21/12/2009, Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 05/05/2011/HĐTDSĐ-TDI ngày 31/8/2011;

Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/05/HĐTCTS-TDTW ngày 05/11/2005, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/05/PLHĐTCTS ngày 20/10/2006, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTCTS.DRAGON-NHPT-V ngày 30/01/2010;

Thỏa thuận nhận thế chấp tàu chở hàng khô trọng tải 22.500 DWT chiếc số 3/KH2004 số 01/A-NHPT HP.07 ngày 23/8/2007 giữa V và Chi nhánh NHPT Hải Phòng (Nay là Chi nhánh NHPT KV Đông Bắc), Ngân hàng thương mại Cổ phần A Hà Nội; Biên bản thỏa thuận bổ sung số 01/2010/A-NHPT-V.DRAGON ngày 25/01/2010;

P yêu cầu V đồng thời và không tách rời nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ P.

Tổng số nợ: 218.744.234.375 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 118.127.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 100.617.234.375,55 đồng

Trường hợp tài sản đảm bảo được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, P đề nghị Tòa án phân chia số tiền theo tỷ lệ dư nợ gốc lãi giữa A và P tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm tiền vay nhằm bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của P.

P không có yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của người khởi kiện.

P đề nghị đưa V1 vào vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Lý do: V1 là người bảo lãnh cho V để vay vốn tín dụng đầu tư nhà nước tại P theo Công văn số 211 của V1.

Tại Bản án sơ thẩm số 1402/2019/KDTM-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào các điều 51, 52, 53, 54 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 đã được sửa đổi bổ sung năm 2004;

Căn cứ vào các điều 122, 124, 323, 351, 355, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; khoản 4 Điều 16 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/01/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay đối với khách hàng; khoản 4, Điều 1 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A: Buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho Ngân hàng A số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN ngày 02/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL01 ngày 02/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL02 ngày 12/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL03; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01261206/01 TDDN/SĐBS – 05 tính đến hết ngày 20/9/2019 với số tiền tổng cộng là 524.482,70 USD (quy đổi tương đương theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử 1 USD = 23.250VNĐ là 12.194.222.775 VNĐ). Trong đó nợ gốc 363.568 USD, nợ lãi trong hạn 157.693 USD, nợ lãi quá hạn: 3.211,70 USD.

Việc trả khoản nợ trên bằng Đô la Mỹ. Trường hợp, Công ty Cổ phần V trả nợ cho Ngân hàng A bằng Việt Nam Đồng thì khoản nợ trên được thực hiện quy đổi theo tỷ giá ngoại tệ, được công bố tại thời điểm trả nợ của Ngân hàng A, theo quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN ngày 02/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL01 ngày 02/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL02 ngày 12/01/2007; Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01 TDDN-PL03; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01261206/01 TDDN/SĐBS – 05

2. Về quyền phát mãi tài sản thế chấp:

2.1. Trường hợp quá hạn mà Công ty Cổ phần V không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng A được quyền thu hồi nợ thông qua việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp: Tàu chở hàng khô D thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần V, chi tiết như sau:

- Hồ hiệu/số IMO: 3WSU-9335460
- Loại tàu: Hàng rời
- Nơi đóng tàu: Bạch Đằng -VN

- Năm đóng tàu: 2007.
- Chiều rộng: 26.0 m.
- Chiều dài lớn nhất: 153.2 m.
- Chiều cao mạn: 13.75 m.
- Mớn nước: 9.5 m.
- Dung tích thực: 7.158 NT.
- Tổng dung tích: 14.851 GT.
- Trọng tải toàn phần: 22.502 DWT.
- Công suất máy chính: 01X6.230.KW.
- Tổ chức đăng kiểm: VR&NK.
- Cảng đăng ký: Sài Gòn.
- Số đăng ký: VNSG-1839-TH.
- Ngày đăng ký: 30/01/2008
- Tên tàu: D

2.2. Khi phát mại tài sản bảo đảm nói trên, thì việc thu nợ sẽ thực hiện theo tỷ lệ tiền nợ của Công ty Cổ phần V đối với Ngân hàng A và Ngân hàng P để trả nợ cho Ngân hàng A. Khoản tiền nợ của Công ty Cổ phần V đối với Ngân hàng P sẽ do các bên tự thỏa thuận giải quyết theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Tỷ lệ tiền nợ của Công ty Cổ phần V đối với Ngân hàng A là 12.194.222.775: (218.744.234.375 + 12.194.222.775) x 100% = 5.29%, với Ngân hàng P là 218.744.234.375: (218.744.234.375 + 12.194.222.775) x 100% = 94.71% tính đến ngày 20/9/2019.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 8/10/2019, bị đơn Công ty Cổ phần V kháng cáo toàn bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét và công nhận phương án trả nợ của bị đơn vì phương án này phù hợp với bản thỏa thuận được hình thành sau buổi họp ngày 11/7/2018 giữa lãnh đạo các bên và mục 1.2 của công văn số 1981/CV-QLN.18 ngày 24/5/2018 của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần V trình bày:

Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án triệu tập các đơn vị thuê tàu bao gồm: Cosfar, Daedong, Jieruitham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Về việc đưa V1 vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan, trước đây V là doanh nghiệp Nhà nước. Sau đó đã tiến hành cổ phần hóa và hiện nay doanh nghiệp vẫn có 49% phần vốn nhà nước nhưng vẫn chịu trách nhiệm phải báo cáo hoạt động, chịu sự quản lý trực tiếp của V1. Đồng thời, nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng phát triển cũng đến hạn nên phải phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của V1. Về việc đề nghị định giá tài sản và thẩm định tại chỗ đối với tàu D là cần thiết vì D là tài sản có đăng ký và được di chuyển liên tục dẫn đến giá trị sử dụng đã bị ảnh hưởng nên việc định giá và thẩm định tại chỗ là

nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng đắn và đảm bảo quy định pháp luật. Ngoài ra, ngân hàng A chưa cung cấp cho Tòa án các thông báo về lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Công ty Cổ phần V thế chấp tàu vận tải biển số hiệu/số IMO: 3WSU-9335460 để bảo đảm cho khoản nợ của Công ty Cổ phần V tại Ngân hàng A. Tài sản này cũng bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty Cổ phần V với Ngân hàng P. Ba bên đã thỏa thuận về cách xử lý tài sản bảo đảm và bản án sơ thẩm cũng đã tuyên cách xử lý tài sản bảo đảm với khoản nợ của Ngân hàng P phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không cần thiết đưa V1 vào tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng P trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa V1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng. Bởi vì, V1 là người bảo lãnh cho V để vay vốn tín dụng đầu tư nhà nước tại P. Nghĩa vụ của Công ty Cổ phần V đối với Ngân hàng P không tách rời V1 nên cần đưa V1 vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, buộc bị đơn Công ty Cổ phần V phải thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là đúng pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần V trả khoản nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01261206/1 TDDN ngày 02/01/2007, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01 TDDN/SĐBS – 05, Khế ước nhận nợ

số 01 (số tài khoản 30232789) ngày 20/09/2007, Khế ước nhận nợ số 02 (số tài khoản 30232789) ngày 05/12/2007 và một số phụ lục hợp đồng khác.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Cổ phần V thế chấp tài sản cho Ngân hàng A theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị phương tiện vận tải số 01060907/01TDDN-TC ngày 05/09/2007 và Hợp đồng Thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTCTS.DRAGON-NHPT-V ngày 30/01/2010, tài sản thế chấp là tàu vận tải biển số hiệu/số IMO: 3WSU-9335460.

[2.2] Ngoài ra, theo Hợp đồng vay vốn TDĐTPT số 05/05/HĐTD-TDTW ngày 28/7/2005, Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 12/2009/05/05/HĐTDSD-NHPT.HPH ngày 15/12/2009, Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 06/12.2009/HĐTDSD-NHPT.HPH-V ngày 21/12/2009, Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 05/05/2011/HĐTDSD-TDI ngày 31/8/2011 thì Ngân hàng P có cho V1 vay 202.147.000.000đ (Hai trăm lẻ hai tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), tài sản đảm bảo cho khoản vay cũng là tàu số hiệu số IMO: 3WSU-9335460 nêu trên. Hai bên đang trong thời gian thực hiện hợp đồng.

[2.3] Ban đầu Công ty Cổ phần V là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc V1. Sau đó Công ty này được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần, hiện nay vốn chủ sở hữu Nhà nước chỉ còn 49%.

[2.4] Theo công văn số 211/CV-TCKT về việc cam kết trả nợ vay tín dụng của Nhà nước ngày 10/3/2006 của V1 thì V1 là đơn vị bảo lãnh cho Công ty Cổ phần V đối với khoản vay này.

Tại các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản thì V1 tham gia với tư cách bên vay. Do đó trong vụ án này, V1 phải được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như yêu cầu của Ngân hàng P. Toà án cấp sơ thẩm không đưa V1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng P xác định việc Ngân hàng P không đưa ra yêu cầu độc lập để yêu cầu Công ty Cổ phần V trả nợ trong vụ án này là do Toà án cấp sơ thẩm không đưa đơn vị bảo lãnh cho khoản vay của Ngân hàng P vào tham gia tố tụng, vì nếu Ngân hàng P có yêu cầu trả nợ thì Toà án cũng chỉ tuyên Công ty Cổ phần V trả nợ, chứ không thể tuyên nghĩa vụ bảo lãnh của V1. Việc tuyên như vậy dẫn đến Ngân hàng P mất quyền yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của V1 về khoản nợ này nếu Công ty Cổ phần V không còn khả năng trả được nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng P.

[2.5] Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Dân sự thì trường hợp một tài sản thế chấp cho nhiều khoản vay, nếu một trong các bên nhận thế chấp xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, kể cả thu nợ trước hạn thì các nghĩa vụ của bên thế chấp với các bên nhận thế chấp còn lại tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và các bên nhận thế chấp xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại khoản 2 Điều 6 của bản thoả thuận ngày 23/8/2007 giữa Công ty V, Ngân hàng P – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng A – Chi nhánh Hà Nội cũng quy định nội dung này (BL 134-138).

[2.6] Hơn nữa, bị đơn trong vụ án là pháp nhân, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ là hồ sơ pháp lý của bị đơn và các tài liệu liên quan trong quá trình chuyển đổi từ Công ty 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần V là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên toà phúc thẩm, phía Công ty Cổ phần V cho rằng Công ty đang trong quá trình chuyển đổi bàn giao trong ban lãnh đạo nên không đồng ý cung cấp thêm chứng cứ hồ sơ pháp lý của Công ty này. Do đó, không đủ căn cứ để xác định chính xác tư cách đương sự của vụ án.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng mà tại phiên toà phúc thẩm không khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần V không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 1402/2019/KDTM-ST ngày 02/10/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần V không phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần V 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0024889 ngày 4/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Nguyên đơn (1);
- Bị đơn (1);
- NLQ (1);
- Lưu VP(6), HS(2), 16b (NTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh